|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.PHAN RANG-THÁP CHÀM  **TRƯỜNG MG VÀNG ANH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số:03/BC-MGVA *Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 02 tháng 02 năm 2023*

**BÁO CÁO**

**Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2022**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 13/KH-ĐGS ngày 30 /12/2022 của*

*Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân tỉnh)*

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

Trong những năm qua Ngành đã có nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện việc sắp xếp lại mạng lưới trường lớp; đồng thời chỉ đạo các đơn vị mở rộng quy mô, mạng lưới cơ sở GDMN phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và khuyến khích phát triển các cơ sở GDMN ngoài công lập. Huy động tối đa trẻ trong độ tuổi đến trường. Riêng địa bàn phường Đài Sơn và Xã Thành Hải có tổng số là 02trường; 01 trường công lập và 01 trường tư thục; có 14nhómlớp nên đáp ứng được nhu cầu gửi trẻ của người dân.

**II.CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC**

1. Việc ban hành các văn bản (cụ thể hóa, triển khai các chủ trương, chính sách, quy định pháp luật của Trung ương; triển khai, xây dựng cơ chế, chính sách của tỉnh); kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện các chính sách giáo dục tại các cơ sở giáo dục của tỉnh.

\* Các văn bản của Chính phủ và của Bộ GDĐT:

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển GDMN;

- Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển GDĐT giai đoạn 2019 – 2025;

- Quyết định số 628/QĐ-TTG ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung Ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non;

- Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung Chương trình GDMN;

- Thông tư 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo;

- Thông tư 47/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Quy định việc lựa chọn đồ chơi, học liệu được sử dụng trong các cơ sở GDMN;

- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

- Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018. Tăng tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

- Thông tư số 45/2021/ TT-BGDĐT ngày 21/12/2018 xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích trong cơ sở GDMN

- Quyết định số 41/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản giai đoạn 2018 – 2025”;

- Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

-Công văn số 1620/BGDĐT-KHTC ngày 11/5/2020 củaBộ giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực Giáo dục Đàotạo năm học 2019-2020; 2020-2021.

- Kế hoạch số 637/KH-BGDĐT ngày 08/6/2022 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch tập huấn hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi;

- Kế hoạch số 215/KH-BGDĐT ngày 15/3/2022 của Bộ GDĐT về Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GV đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; đổi mới nội dung và phương thức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CBQL và GV đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDMN.

- Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 về đẩy mạnh việc chuyển đổi số trong GDMN, tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong quản lý, điều hành, tuyển sinh, chăm sóc, giáo dục trẻ, công khai chất lượng giáo dục.

- Nghị quyết số 103/NQ- CP ngày 11/8/2022 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ CBQL, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

\* Các văn bản của tỉnh và của Sở GDĐT:

- Kế hoạch số 524/KH-UBND ngày 14/02/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2019 - 2025

- Kế hoạch số 799/KH-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em mầm non và học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn II (2021 - 2025) trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận”.

- Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định mức thu, vùng thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ban hành theo Quyết định số 69/2016/QĐ-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh Ninh Thuận;

- Công văn số 1237/SGDĐT-KHTC ngày 05/6/2020 V/v thực hiện chính sách đối với trẻ em, học sinh ở vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn học kỳ II năm học 2019-2020;

- Kế hoạch số 800/KH- UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GVMN, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022;

- Kế hoạch số 393/KH-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số, ứng dụng CNTT trong quản lý và dạy - học của ngành giáo dục tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản liên quan.

Tất cả những văn bản về thực hiện chính sách, pháp luật có liên quan đến Ngành giáo dục từ Trung ương được địa phương cụ thể hoá và triển khai quán triệt đến từng trường, từng đơn vị theo từng cấp học. Tuỳ vào điều kiện cụ thể của từng đơn vị áp dụng linh động sao cho phù hợp.

3. Công tác xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục của các cơ sở giáo dục; công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua- khen thưởng, xử lý vi phạm pháp luật trong giáo dục.

Căn cứ vào các văn bản chỉ đạo của các cấp, nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và phù hợp với tình hình của trường, lớp. Công tác thanh tra, kiểm tra, thi đua-khen thưởng được thực hiện thường xuyên, kịp thời theo kế hoạch. Trong những năm qua nhà trường không có ai bị vi phạmpháp luật và nhà trường cũng không có vi phạm.

4. Công tác quy hoạch và thực hiện quy hoạch (quy hoạch về đất đai và phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục) của tỉnh, địa phương giai đoạn 2018-2022. Công tác rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

Đối với nhà trường vào giai đoạn 2018-2022, phòng học cũng như cơ sở vật chất không được phát triển thêm. Tuy nhiên, Xã Thành Hải tăng thêm 01 nhóm trẻ. Phường Đài Sơn tăng 3 nhóm trẻ

5. Công tác xã hội hóa giáo dục:Phát triển trường lớp ngoài công lập; các chính sách thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư (tổng nguồn vốn huy động, trong đó vốn ngân sách nhà nước/nguồn xã hội hóa; những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại, hạn chế trong quá trình huy động các nguồn lực thực hiện, những kiến nghị, đề xuất).

Giai đoạn 2018-2022, địa phương tăng thêm 04 nhóm trẻ.

Công tác xã hội hoá của nhà trường: Hiện cơ sở vật chất của nhà trường đang dần xuống cấp do niên hạn sử dụng quá lâu. Tuy nhiên, là địa bàn vùng ven thành phố rất khó huy động các nguồn lực để đầu tư xây mới

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**1. Đối với giáo dục mầm non**

1.1. Mạng lưới trường lớp, số trẻ (công lập và ngoài công lập)

\* Tổng số trẻ trong độ tuổi của địa phương: 1614trẻ (trong đó: độ tuổi nhà trẻ: 482; độ tuổi mẫu giáo: 1132).

\* Huy động trẻ ra lớp: 1431 trẻ/35 nhóm, lớp. Trong đó:

- Công lập: Tổng số trẻ: 235 trẻ/10 nhóm, lớp (trong đó: độ tuổi nhà trẻ: 0; độ tuổi mẫu giáo: 235)

- Tư thục: Tổng số trẻ: 1196 trẻ/25 nhóm, lớp (trong đó: độ tuổi nhà trẻ: 383; độ tuổi mẫu giáo: 813)

1.2. Kết quả xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia và công tác kiểm định chất lượng giáo dục mầm nontrên địa bàn (đánh giá kết quả đạt được so với chỉ tiêu đề ra)

Nhà trường đang cố gắng phấn đấu xây dựng về cơ sở vạt chất; tham mưu với các cấp lãnh đạo bố trí đủ số lương CB, GV,CNV để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 vào năm 2025

1.3. Đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

a) Kết quả huy động trẻ khối nhà trẻ, khối mẫu giáo ra lớp theo quy định; tỷ lệ trẻ em được học 2 buổi/ngày theo từng năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm  học | Độ  tuổi | Tổng số trẻ trong độ tuổi | Huy động trẻ ra lớp | | Tỷ lệ | Tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày |
| Công lập | Tư thục |
| 2018-2019 | Nhà trẻ | 338 |  | 118 | 35% | 100% |
| Mẫu giáo | 941 | 210 | 330 | 57,3% | 100% |
| 2019-2020 | Nhà trẻ | 499 |  | 135 | 27% | 100% |
| Mẫu giáo | 1027 | 280 | 567 | 70% | 100% |
| 2020-2021 | Nhà trẻ | 447 |  | 97 | 21,7% | 100% |
| Mẫu giáo | 1170 | 283 | 326 | 52% | 100% |
| 2021-2022 | Nhà trẻ | 664 |  | 663 | 100% | 100% |
| Mẫu giáo | 1023 | 240 | 782 | 100% | 100% |
| 2022-2023 | Nhà trẻ | 482 |  | 383 | 79.6% | 100% |
| Mẫu giáo | 1132 | 235 | 813 | 92,5% | 100% |

b) Việc triển khai các chương trình và đổi mới phương pháp giáo dục mầm non; công tác chất lượng chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng trẻ (tỷ lệ trẻ em đạt chuẩn; tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng ở các cơ sở giáo dục mầm non).

- Nhà trường đã phát động phong trào đổi mới phương pháp dạy học tích cực theo quan điểm giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm” nhằm phát huy tinh thần đổi mới, sáng tạo của cán bộ, giáo viên trong công tác quản lý, giảng dạy; các giải pháp dạy học an toàn, bảo đảm chương trình và mục tiêu giáo dục, đào tạo. Trên cơ sở chức trách nhiệm vụ được giao, mỗi cá nhân xây dựng được nội dung, phương pháp mới, có tính đột phá, phù hợp và nâng cao được hiệu quả, chất lượng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Công tác chăm sóc sức khoẻ, nuôi dưỡng trẻ được nhà trường chú trọng, hàng năm nhà trường luôn đề ra các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Kết quả cuối năm từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023 đều đạt theo kế hoạch, cụ thể:

Trẻ SDD thể cân nặng: Giảm so với đầu năm học 100%; so với chỉ tiêu giao, đạt 100%; Trẻ SDD thể thấp còi: Giảm so với đầu năm học 100%; so với chỉ tiêu giao, đạt 100%; Trẻ SDD thể gầy còm: Giảm so với đầu năm học 100%; so với chỉ tiêu giao, đạt 100%; Trẻ béo phì: Giảm từ 80- 85%; so với chỉ tiêu giao, đạt 100%; Đảm bảo an toàn cho trẻ 100%; so với chỉ tiêu giao, đạt 100%.

c) Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và chuẩn bị phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo.

Địa phương đã đạt chuẩn phổ cập GD trẻ 5 tuổi từ năm học 2011-2012 và được duy trì hàng năm theo các tiêu chí của Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ và Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

Nhà trường tiếp tục đảm bảo đủ đội ngũ và CSVC để thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non trẻ năm tuổi; không để xảy ra tình trạng đạt tiêu chuẩn phổ cập nhưng thiếu giáo viên, thiếu CVSC. Tham mưu chính quyền địa phương kế hoạch triển khai công tác phổ cập giáo dục mầm non mẫu giáo, tiến tới phổ cập giáo dục mẫu giáo toàn quốc vào năm 2030; thực hiện tốt công tác phối hợp điều tra, xử lý, cập nhật số liệu theo phần mềm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ bảo đảm đầy đủ, kịp thời, chính xác.

1.4. Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ đối với giáo viên và trẻ em giáo dục mầm non (chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ; chương trình sữa học đường; các chính sách khác);đánh giá tác động của các chế độ, chính sách hiện nay đối với giáo viên và trẻ em.

Nhà trường thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách với cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo quyền lợi người lao động. Giải quyết trả lương làm việc ngoài giờ hợp lý, tăng cường nâng cao đời sống của cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ ăn trưa cho trẻ theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và Hướng dẫn số 2696/BGDĐT-KHTC ngày 27/6/2022V/v hướng dẫn thực hiện Nghị định số [81/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thue-phi-le-phi/nghi-dinh-81-2021-nd-cp-quan-ly-hoc-phi-doi-voi-co-so-giao-duc-thuoc-he-thong-giao-duc-quoc-dan-457392.aspx) ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Nhờ có chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ ăn trưa cho trẻ nên những trẻ em nghèo thuộc đối tượng của Nghị định này được giảm một phần chi phí đỡ bớt gánh nặng cho gia đình trẻ.

1.5. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non

a) Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non.

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 151/QĐ-UBND ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL của GDMN giai đoạn 2019 - 2025, bồi dưỡng giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định tại Luật Giáo dục năm 2019, Thông tư số 24/2020/TT-BGDĐT ngày 25/8/2020 của Bộ GDĐT về việc quy định việc sử dụng giáo viên, CBQL trong cơ sở GDMN, tiểu học, trung học cơ sở chưa đáp ứng trình độ chuẩn đào tạo; triển khai Kế hoạch số 800/KH- UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh về thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của GVMN, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022 để thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của giáo viên mầm non theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP; tiếp tục thực hiện việc đánh giá CBQL, giáo viên theo quy định. Thực hiện Thông tư số 19/2019/TT-BGDĐT ngày 12/11/2019 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên, CBQL ở các cơ sở GDMN, cơ sở giáo dục phổ thông và giáo viên trung tâm giáo dục thường xuyên

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho cán bộ quản lý, tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên được tham gia các lớp học bồi dưỡng về chuyên môn cũng như nâng cao trình độ chuyên môn.

b) Số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non (so sánh, đánh giá tỷ lệ giáo viên/lớp, trình độ giáo viên theo quy định hiện hành); tình trạng thừa, thiếu, tính hợp lý trong cơ cấu; năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non theo yêu cầu hiện nay và trong những năm tới.

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, tập huấn đội ngũ; nâng cao đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, tình yêu thương và trách nhiệm bảo vệ trẻ; nâng cao năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; khuyến khích CBQL và GV tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau.

Hiện tại nhà trường có 16 giáo viên/ 10 lớp2,2. Theo thông tư 06/2015 nhà trường vẫn còn thiếu 4 giáo viên. Tuy nhiên nhà trường vẫn cố gắng hoàn thành tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em theo Chương trình GDMN và bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ ở trường.

Số giáo viên đạt chuẩn trở lên là 15/16 đạt tỷ lệ 93,75%, hiện trường còn 01 giáo viên có trình độ Trung cấp SPMN đang theo học lớp ĐHSPMN;

c) Kết quả thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non (Nêu những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn trong việc thực hiện các chính sách về tuyển dụng; điều động, luân chuyển; lương, phụ cấp ưu đãi, chế độ đãi ngộ vật chất khác; đào tạo, bồi dưỡng; thu hút đặc thù; khen thưởng, kỷ luật; tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giáo viên mầm non; các chính sách khác).

Thực hiện đầy đủ chế độ chính sách hợp lý với cán bộ quản lý và giáo viên mầm non, 100% CB,GV của trường được chuyển xếp và hưởng lương theo văn bằng đào tạo, bậc lương thực sự tương xứng với thời gian, công sức lao động và trách nhiệm của đội ngũ. Năm học 2019-2020 trường thực hiện tuyển dụng viên chức theo Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và theo Quyết định số 49/2012/QĐ-UBND ngày 11/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận ban hành quy định về thẩm quyền tuyển dụng, quản lý và sử dụng viên chức; Tổ chức xét thăng

Theo Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 11/2/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận và theo kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UNND thành phố V/v tổ chức xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập năm 2019-2020.

Trường hiện có 2 lớp có trẻ là dân tộc Chăm ( Thôn Thành Ý) với số trẻ là 67 trẻ. Nhà trường bố trí 4 giáo viên dạy 2 lớp. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay giáo viên dạy lớp có trẻ dân tộc chưa được hưởng chế độ gì ngoài lương hàng tháng như các giáo viên trong nhà trường

d) Đánh giá tác động của các chế độ, chính sách hiện hành trong việc quản lý, thu hút, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên giáo dục mầm non.

Trong những năm qua nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho CB-GV-NV; thực hiện chế độ lương, thưởng kịp thời. Luôn có kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ theo yêu cầu của ngành. Tuy nhiên, về chính sách tiền lương của giáo viên mầm non hiện nay vẫn còn thấp so với mặt bằng chung các ngành nghề khác, cho nên vẫn chưa đủ lực để thu hút giới trẻ theo ngành. Công việc của giáo viên mầm non không nặng nhọc nhưng là công việc đặc thù. Nếu sức khỏe không được tốt (vì tuổi tác mỗi ngày một cao 53- 55 tuổi )sẽ không đảm nhiệm nổi công tác giảng dạy, trực tiếp đứng lớp nên trong năm học 2020-2021 trường có 01 giáo viên xin nghỉ việc.

1.6. Đánh giá công tác đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phát triển các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn: kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (kinh phí thực hiện): phòng học, sân chơi, khu vệ sinh, nước sạch, bếp ăn; công tác mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ;…; kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn.

Từ năm học 2018-2019 đến nay, trường cũng nhận được sự quan tâm của ngành như:Sở GDĐT Ninh Thuận đã cấp phát cho trường nhiều danh mục đồ chơi ngoài trời, đồ chơi trong lớp như: Bộ thiết bị, tài liệu, học liệu hỗ trợ công tác phổ biến Pháp luật trong trường mầm non; Bập bênh; Kệ gỗ hộc nhựa đa năng; Giá để đồ chơi và học liệu; Bể chơi cát nước; Cầu thăng bằng; Bộ vận động đa năng (thang leo- cầu trượt-ống chui) kèm bộ DVD giáo dục phát triển vận động cho trẻ nhà trẻ, mẫu giáo; Bộ cầu trượt, thang leo, xích đu, bóng rổ liên hoàn (Bộ vận động đa năng: Thang leo, cầu trượt, ống chui, cột ném bóng);Trong năm học 2021- 2022 nhà trường được Sở giáo dục trang bị 2 phòng hoc Strem cho chương trình Nông thôn mới trị giá đồ dùng đồ chơi 2 phòng trị giá 600.000.000đ; Ngoài ra, hàng năm trường đều chi kinh phí để trang bị một số đồ dùng đồ chơi trong lớp theo Thông tư 02 cho các lớpphòng học, sân chơi, khu vệ sinh của các lớp được sửa chữa, nâng cấp đạt yêu cầu theo quy định.

Trường có hệ thống cấp thoát nước đảm bảo theo quy định.

**IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1.Kết quả đạt được**

- Các văn bản chỉ đạo về chế độ chính sách được nhà trường triển khai đầy đủ và thực hiện kịp thời cho CB-GV-NV và học sinh

- Trường nhận được sự chỉ đạo trực tiếp từ Phòng GDĐT TP Phan Rang-Tháp Chàm, Sở GDĐT tỉnh Ninh Thuận nên cơ sở vật chất của trường được cải thiện để phục vụ cho công tác giảng dạy, vui chơi và học tập của cháu.

- Nhà trường có 8 giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn; thực hiện xếp hạng GVMN tiêu chuẩn CDNN theo Thông tư 01/2021/TT-BGDĐT; thực hiện xét thâm niên nghề cho những giáo viên đã công tác từ 5 năm trở lên.

- Công tác phổ cập trẻ 5 tuổi luôn được giữ vữngvà trường cũng đang chuẩn bị để tiến tới năm 2030 phổ cập giáo dục độ tuổi trẻ mẫu giáo theo lộ trình của Chính phủ.

- Công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ luôn được nhà trường chú trọng và trường có nhiều biện pháp phối hợp với cha mẹ trẻ, cho nên số trẻ SDD hàng năm được giảm 100%, số trẻ thừa cân, béo phìcũng giảm đáng kể. 100% trẻ 5 tuổi được chuẩn bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để vào học lớp 1 phổ thông

- Với sự nổ lực cố gắng của tập thể nên năm 2021 trường đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 và được công nhận lại chuẩn quốc gia mức độ 1.

**2. Những khó khăn, hạn chế**

- Trường mẫu giáo Vàng Anh có 05 cơ sở nằm trên 2 địa bàn: Xã Thành hải và Phường Đài sơn. Các cơ sở cách xa nhau nên việc quản lývề chuyên môn và trong công tác chiêu sinh gặp nhiều khó khăn

- Trường có 4 phòng học ở cơ sở Đài sơn hiện đã xuống cấp nên phần nào cũng ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ

- Các cơ sở hiện chưa có hàng rào kiên cố ( hiện nay chỉ rào bàng lưới B40)nên phần nào cũng ảnh hưởng đến sự tin tưởng của phụ huynh khi gởi con vào trường

- Lộ trình của Chính phủ đến năm 2030 đạt chuẩn phổ cập cho trẻ mẫu giáo. Tuy nhiên, với tình hình học phí tăng thì rất khó để phụ huynh cho trẻ ra lớp đầy đủ

**3. Nguyên nhân:** Chủ quan, khách quan

-Trường có 4 phòng học ở cơ sở Đài sơn hiện đã xuống cấp nên phần nào cũng ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ

- Các cơ sở cách xa nhau nên việc đầu tư về cơ sở vật chất, việc quản lý của nhà trường và việc phân chia các cháu cho các lớp cũng gặp nhiều khó khăn

- Là địa bàn thuộc vùng ven thành phố đời sống của một bộ phận phụ huynh còn gặp nhiều khó khăn nên khi học phí tăng sẽ cho trẻ ở nhà chờ đến 5 tuổi cho trẻ đi học luôn. Vì vậy khó đạt chuẩn phổ cập GDMN

**V. KIẾN NGHỊ**

**1. Đối với Trung ương**

**-** Nếu thực hiện phổ cập GDMN độ tuổi mẫu giáo, Chính phủ cần miễn học phí cho trẻ.

- Có chế độ đãi ngộ cho giáo viên mầm non đảm bảo cuộc sống để họ an tâm công tác, không phải chuyển nghề khác.

- Tăng cường đầu tư thêm cho GDMN công lập về cơ sở vật chất, nhất là vùng ven thành phố, để trẻ vùng ven được vui chơi, học tập để phụ huynh yên tâmkhi gởi con vào trường

**2. Đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn tỉnh.**

**-** Quan tâm hơn nữa đối với GDMN công lập; tham mưu các cấp để có chế độ đãi ngộ cho GVMN cũng như đầu tư cơ sở vật chất cho GDMN công lập

- Có chế độ cho giáo viên và trẻ vùng dân tộc thiểu số

- Có kế hoạch nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị cho các trường mầm non đang trong lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

**VI. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN ĐẾN.**

- Tiếp tục thực hiện chế độ chính sách cho CB-GV-NV và học sinh theo các văn bản chỉ đạo của các cấp

- Tiếp tục phối hợp với CMHS để nâng cao chất lượng trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Xây dựng kế hoạch để bồi dưỡng đội ngũ nâng cao tay nghề trong chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tích cực đổi mới phương pháp giáo dục “Lấy trẻ làm trung tâm”. Xây dựng môi trường “Xanh, sạch, đẹp, thân thiện, an toàn” cho trẻ hoạt động

- Thực hiện theo lộ trình của Chính phủ đến năm 2030 phổ cập GDMN trẻ độ tuổi mẫu giáo.

- Tiếp tục tham mưu để bổ sung cơ sở vật chất cho nhà trường.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục tại cơ sở giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Phòng GD&ĐT TP PR-TC;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Võ Thị Thanh** |